

Số: 43/2018/QĐST-HNGĐ

Văn Lâm, ngày 25 tháng 5 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 14/2018/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 3 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H - SN 1966

Bị đơn: Bà Hoàng Thị V – SN 1964 (là người bị Tòa án tuyên bố khó khăn trong nhận thức làm chủ hành vi, theo Quyết định số 13/2018/QĐST-DS ngày 12/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm).

Người giám hộ cho bà Hoàng Thị V: Chị Nguyễn Thị H – SN 1984; HKTT: Đội 11, thôn H, thị trấn Q, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên (theo Quyết định số 13/2018/QĐST-DS ngày 12/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lâm)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị H – SN 1984

Chị Nguyễn Thị G – SN 1990

Chị H và chị G là con của ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị V.

Đều có địa chỉ: Đội 11, thôn H, thị trấn Q, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17/5/2018 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[2.1]. Về tình cảm vợ chồng: Ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị V thuận tình ly hôn.

[2.2]. Về con chung: Ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị V có ba con chung gồm có: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1984, chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1990 và chị Nguyễn Thị Lan H, sinh năm 1996. Chị H, chị G và chị H đều đã trên 18 tuổi, đủ khả năng tự lập cuộc sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung.

[2.3]. Về tài sản chung và công nợ: Ông H và bà V đều xác định ông bà không có tài sản chung và không có công nợ với ai nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về công sức: Ông H và bà V đều xác định bà V không có công sức gì với gia đình chồng và tự nguyện không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[2.5]. Về ruộng nông nghiệp: Ông Nguyễn Văn H và bà Hoàng Thị V, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị G đều xác định:

Năm 1993 Nhà nước chia cho ông H, bà V, chị H và chị G mỗi người một suất ruộng nông nghiệp, một suất ruộng là 312 m².

Vào năm 2001, năm 2002 Nhà nước đã thu hồi 720 m² đất nông nghiệp của bốn nhân khẩu, được đền bù số tiền 32.560.000đ, ông H là đại diện hộ gia đình nhận tiền thu hồi đất (chưa chia trả cho bà V, chị H và chị G). Số diện tích đất còn lại hiện nay tại hai thửa là: Thửa số 243/1 diện tích 360 m² (xứ đồng Vừa Dưới) và thửa số 195/8 diện tích 160,8 m² (xứ đồng Nội) đều ở thôn H, thị trấn Q, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Ông H, bà V, chị H và chị G thống nhất thỏa thuận như sau:

Ông H trả cho bà V, chị H, chị G số tiền đất nông nghiệp bị thu hồi của ba người là: 32.640.000 (ba mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

Diện đất đất còn lại tại hai thửa: Thửa số 243/1 diện tích 360 m² (xứ đồng Vừa Dưới) và thửa số 195/8 diện tích 160,8 m² (xứ đồng Nội) đều ở thôn H, thị trấn Q, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên. Tổng diện tích đất tại hai thửa là 520 m² trị giá là: 520 m² x 80.000đ/ m² = 41.600.000đ (bốn mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng). Ông H, bà V, chị H, chị G đều xác định là tiêu chuẩn đất của bà V, chị H và chị G. Ông H tự nguyện trả cho bà V, chị H và chị G, ông H không còn quyền lợi gì liên quan đối với hai thửa đất nông nghiệp này.

Chị H đại diện cho bà V và chị G nhận tiền ruộng do ông H trả và đại diện nhận số diện tích đất nông nghiệp tại hai thửa nêu trên.

3. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn H chịu cả 150.000đ

án phí ly hôn sơ thẩm. Ông H phải chịu 920.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Tổng số tiền án phí ông H phải nộp là: 1.070.000đ (một triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng). Đối trừ với số tiền 300.000đ ông H đã nộp tạm ứng theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 014851 ngày 01/3/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Văn Lâm, ông H còn phải nộp: 770.000đ (bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí.

Bà Hoàng Thị V, chị Nguyễn Thị G và chị Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 306.000đ (ba trăm linh sáu nghìn) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự
- Viện kiểm sát huyện Văn Lâm
- Chi cục THA huyện Văn Lâm
- UBND thị trấn Q
- Lưu Hs vụ án

THẨM PHÁN

Đã ký

Trần Hoàng Lâm

